

Lẽ ghét thương - những lời thơ tâm huyết của Nguyễn Đình Chiểu

Đề bài: Lẽ ghét thương - những lời thơ tâm huyết về nỗi ghét, tình thương nhân bản của Nguyễn Đình Chiểu.

Top 2 bài văn hay nhất phân tích Lẽ ghét thương - những lời tâm huyết của Nguyễn Đình Chiểu

Bài văn số 1:

Truyện Lục Vân Tiên là tác phẩm lớn của văn học Việt Nam. Cũng như *Truyện Kiều*, *Truyện Lục Vân Tiên* được rất nhiều người Việt Nam yêu thích. Tác phẩm đã đi vào đời sống nhân dân và các nhân vật của truyện đã được dân gian hoá. Lục Vân Tiên trở thành biểu tượng về một đấng nam nhi ngay thẳng tốt bụng, sẵn sàng cứu giúp người yếu thế. Kiều Nguyệt Nga trở thành biểu tượng sáng ngời của lòng chung thủy, mẫu mực của người phụ nữ phương Đông đoan trang, nét na... Mỗi nhân vật của tác phẩm đều đã đi vào đời sống dân gian và trở thành một yếu tố của nền văn hoá dân gian.

Truyện Lục Vân Tiên là tác phẩm tiêu biểu cho giai đoạn sáng tác trước 1858 của Nguyễn Đình Chiểu, đó là giai đoạn sáng tác theo quan điểm “văn chương chở đạo”. “Đạo” ở đây là những quan niệm đạo đức truyền thống phương Đông theo quan niệm của Nho giáo. Tính cách của nhân vật tốt - xấu, ngay - gian rất rõ ràng. Qua thế giới nhân vật ấy, tác giả thể hiện những quan niệm của mình về đạo đức, về con người và lẽ sống. Đoạn trích *Lẽ ghét thương* (từ câu 473 đến câu 504 của tác phẩm) là lời của một nhân vật trong truyện, đó là nhân vật ông Quán trong cuộc đàm đạo giữa ông và các nho sĩ trẻ tuổi. Quan điểm yêu ghét của ông Quán chính là quan điểm của tác giả - nhà thơ, nhà văn, ông đồ Nguyễn Đình Chiểu.

Đoạn trích chia làm hai phần rất rõ rệt: phần nói về những điều mà ông Quán ghét, và phần kể về những điều ông Quán thương. Từ *ghét, thương* ở đây cũng không đơn giản là chỉ tình cảm đối với một ai đó mà được dùng để thể hiện sự đồng tình và phản đối của người nói đối với điều được nói tới. Cũng không phải là chuyện ghét thương những điều liên quan đến cá nhân người nói. Chuyện ghét thương được nhìn nhận xuất phát từ quyền lợi của nhân dân. Cấu trúc ngôn ngữ trong đoạn trích có vẻ đơn điệu bởi sự lặp lại nhiều lần hình thức điệp đối. Song chính điều đó lại tạo nên hiệu quả nghệ thuật trong việc thể hiện nội dung tư tưởng của tác giả. Lặp lại hình thức những thay đổi sự việc, nhân vật trong mỗi câu thơ để nhấn mạnh, khẳng định thái độ yêu ghét rõ ràng của nhà thơ. Để thể hiện thái độ ghét thương với từng đối tượng cụ thể, ông Quán có lời nhận xét chung:

“*Vì chung hay ghét cũng là hay thương*”.

Chuyện ghét - thương ở đây có mối quan hệ mật thiết với nhau. Thái độ “ghét” là hệ quả của sự “thương” mà thôi. Nỗi ghét - thương là sự trăn trở của ông về cuộc đời, về

Lẽ ghét thương - những lời thơ tâm huyết của Nguyễn Đình Chiểu

cuộc sống của nhân dân lao động. Vì thương nhân dân cực khổ lầm than, vì trân trọng những con người biết vì dân mà ghét những kẻ tàn bạo, đi ngược với đạo lí làm người, đẩy nhân dân vào cảnh cơ cực lầm than. Trước hết, tác giả nói chuyện “ghét”. Ông Quán ghét những ai? Tại sao ông lại ghét họ. Với mỗi đối tượng, ông đều có lời giải thích rõ ràng. Không ghét chung chung, mà ghét điều cụ thể.

Quán rằng “Ghét việc tâm phào

Ghét cay ghét đắng, ghét vào tận tâm”.

Đối tượng ghét có tính khái quát rất cao, ghét tất cả những việc vô vắn, vô ích đối với dân với nước. Phàm những việc gì không có ích cho cuộc sống, có hại đối với con người thì đều là điều đáng ghét, điều xấu xa. Mức độ ghét cũng rất dứt khoát, rõ ràng và quyết liệt. Điều này thể hiện ở việc tách từ, điệp từ. Ba từ ghét được lặp lại trong câu thơ tám chữ thể hiện thái độ rất quyết liệt. Đó là thái độ không khoan nhượng, không dung tha đối với điều xấu. Những đối tượng tiếp theo được nhắc đến gắn với thái độ ghét của ông Quán đều có một điểm chung. Đó là những nhân vật nổi tiếng tàn ác, những triều đình nổi tiếng nhiều nhượng, xấu xa trong lịch sử Trung Quốc: đó là Kiệt, Trụ mê dâm, U, Lệ đa đoan, Ngũ bá phân vân, thúc quý phân băng. Ý thơ rất cân đối trong việc kể. Trước hết là hai cặp nhân vật nổi tiếng tàn bạo trong lịch sử phong kiến Trung Hoa thời cổ đại, những tên vua tàn ác mà tên tuổi đều gắn với những giai thoại về sự độc ác khôn cùng. Tiếp đến là hai thời kì đen tối của lịch sử Trung Hoa, kẻ cầm quyền tranh giành quyền lực đẩy nhân dân vào nạn binh đao. Kẻ thì ăn chơi, hưởng thụ sa đọa, người thì say sưa tranh giành quyền lực nhưng tất cả bọn chúng đều gây ra một hậu quả chung là đẩy nhân dân vào cuộc sống vô cùng khổ cực. Những điều ông Quán ghét không liên quan gì đến cuộc sống của cá nhân ông. Tóm lại, ông ghét những kẻ làm nhân dân phải chịu khổ cực. Cả bốn câu ông đều nhắc đến dân, nhắc đến những hậu quả mà nhân dân lao động phải chịu: dân “sa hầm sẩy hang”, dân chịu “lầm than”, dân “nhọc nhằn” và “lãng nhẳng rồi dân”. Bốn đối tượng ghét cụ thể ấy đã khái quát nên một đối tượng ghét rất chung: ông ghét những kẻ đi ngược lại với quyền lợi của dân. Còn thái độ thương của ông thì sao? Ông thương những đối tượng nào? Thương không chỉ là sự thương cảm mà thương ở đây là thái độ đồng tình, kính trọng của ông dành cho đối tượng. Ông không ghét những chuyện vặt vãnh nên cũng không nói đến thương những chuyện bình thường.

Thương là thương đức thánh nhân,

Khi nơi Tống, Vệ lúc Trần, lúc Khuông.

Đối tượng “thương” là nhân vật cụ thể, có thực trong lịch sử Trung Hoa. Đó là: Không Tử, Nhan Tử, Gia Cát, Đổng Tử, Đào Tiềm, Hàn Dũ, Liêm, Lạc. Họ đều là những con người nổi tiếng về tài và đức. Họ có cùng một điểm chung là luôn cố gắng mang tài năng ra giúp đời song lại gặp toàn chuyện không may mắn. Sự nghiệp dù lẫy lừng song rồi lại dang dở. Nhưng tất cả họ đều là người có nhân cách cao cả, đều hết lòng thương yêu dân

Lẽ ghét thương - những lời thơ tâm huyết của Nguyễn Đình Chiểu

chúng, sống trọn đạo bề tôi, giữ vững phẩm cách của nhà nho. Đối tượng “thương” đều là những người tài đức vẹn toàn. Vì vậy, thái độ thương ở đây bao gồm cả sự cảm thông, trân trọng và kính phục của tác giả. Nhà thơ đã mượn chuyện bàn luận về ghét thương, về lịch sử để thể hiện thái độ của mình đối với nhân dân. Việc ghét thương gắn chặt với quyền lợi của nhân dân lao động. Tác giả đã sử dụng rất thành công các phương tiện ngôn ngữ như điệp từ, từ láy, thành ngữ, tiêu đối để thể hiện thái độ ghét thương rất rõ ràng, dứt khoát và quyết liệt của mình. Đặc biệt nhà thơ đã sử dụng rất hiệu quả biện pháp nghệ thuật điệp từ. Đó là từ ghét và từ thương. Đối tượng của “ghét” và “thương” thì luôn sóng đôi nhau từng cặp. “Kiệt, Trụ” và “U, Lệ”; Ngũ bá và thúc quý. Đối tượng “thương” thì phong phú hơn. Điều đó thể hiện rõ hơn thái độ thương ghét rõ ràng, dứt khoát của ông Quán. Ông Quán dẫn toàn những chuyện sử sách Trung Quốc. Đây là những câu chuyện mà bất cứ nhà nho nào cũng biết đến. Ở thời của các nhà nho như Nguyễn Đình Chiểu, những nhân vật và những thời điểm lịch sử ấy đã trở nên rất quen thuộc và đã mang ý nghĩa khái quát hoá.

Mượn lời ông Quán, tác giả đã thể hiện quan điểm của một nhà nho chân chính. Nhà nho ấy tuy là đệ tử của chốn cửa Khổng sân Trình nhưng lại có tư tưởng rất tiến bộ. Đó là sự nối tiếp tư tưởng của Nguyễn Trãi thể hiện ở Bình Ngô đại cáo, đó là: “*Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân*”. Cái tiêu chuẩn để “ghét thương” ở đây là quyền lợi của nhân dân, đi trái với quyền lợi của nhân dân là đáng ghét, là đáng phê phán. Tác giả đã dùng hình thức đàm đạo về ghét thương giữa ông Quán và các nho sĩ trẻ tuổi để thể hiện thái độ, quan điểm tư tưởng của mình về thời cuộc và nhân tình thế thái.

“Quán rằng: ghét việc tâm phào,

Ghét cay, ghét đắng, ghét vào tận tâm.”

Chính thái độ yêu ghét dứt khoát mãnh liệt ấy đã tạo cho truyện ***Lục Vân Tiên*** một tinh thần đấu tranh, một tinh thần phấn khởi lôi kéo người đọc..... Thương và ghét đều vì nhân dân. Làm lợi cho dân thì thương, làm hại cho dân thì ghét:

Ghét đời Kiệt Trụ mê dân...

Sớm đâu tôi đánh lăng nhăng rối dân...

Nguyễn Đình Chiểu cũng đứng trên lập trường nhân nghĩa của nhân dân mà có một thái độ dứt khoát: yêu và ghét, “*Ghét cay, ghét đắng, ghét vào tận tâm*”... Thái độ thật dứt khoát ấy được xây dựng trên một lí tưởng vững chắc bền bỉ, không gì lay chuyển nổi. Nhân vật Kiều Nguyệt Nga tiêu biểu cho cái lí tưởng ấy. Trong truyện ***Lục Vân Tiên*** mỗi nhân vật chính diện đều theo đuổi một lí tưởng như vậy.

Bài văn số 2:

Lẽ ghét thương - những lời thơ tâm huyết của Nguyễn Đình Chiểu

Lẽ ghét thương là lời tâm huyết của Nguyễn Đình Chiểu về nỗi ghét, tình thương nhân bản.

Trong đoạn thơ trích nói về "*Lẽ ghét thương*" có tất cả 26 câu thì trong đó có 10 câu nói về "ghét", 16 câu nói về "thương". Như vậy là số lời nói về thương dài gần gấp đôi so với số lời nói về "ghét". Bản thân tác giả đã có lần nói rõ: "Bởi chung hay ghét cũng là hay thương". Quả đúng như vậy, nếu đọc lại 10 câu thơ nói về "ghét" thì ta sẽ thấy căn nguyên, gốc rễ của cái "ghét" ở đây là lòng thương dân. Sở dĩ ông Quán "ghét", "ghét cay ghét đắng, ghét vào tận tâm", những cái "tâm phào", những cái "đa đoan", những cái "dối trá", những cái "mê dâm" là vì chúng làm "rối dân", "làm dân nhọc nhằn", làm "dân luống chịu lầm than muôn phần", làm "dân đến nỗi sa hầm sẩy hang". Trong số 10 câu thơ của đoạn này thì có 4 câu có từ dân nói về nỗi khổ của dân:

Để dân đến nỗi sa hầm sẩy hang

Khiến dân luống chịu lầm than muôn phần.

Chuộng bề dối trá làm dân nhọc nhằn.

Sớm đâu tới đánh lăng nhăng rối dân.

Để giải bày những lời tâm huyết về nỗi ghét này được sâu đậm, nhà thơ đã sử dụng nghệ thuật điệp từ. Trong 10 câu thơ có 8 từ "ghét" thì hai câu mở đầu đoạn trích đã có 4 từ. Riêng ở câu thơ thứ hai:

"Ghét cay, ghét đắng, ghét vào tận tâm"

Nghệ thuật dùng điệp từ tăng cấp để diễn tả các màu sắc, mùi vị và độ sâu tăng dần của cái ghét: Từ cái ghét có vị cay, sang cái ghét có vị đắng, đến cái ghét có độ sâu của lòng người: "ghét vào tận tâm". Với cách diễn đạt tăng cấp này, Nguyễn Đình Chiểu cho bạn đọc biết cái ghét của ông Quán đã đổi gam, đổi chất, cái gọi là ghét của ông Quán thực ra là lòng căm thù. Ông Quán căm thù tất cả những con người, những sự việc làm tổn hại đến hạnh phúc của nhân dân. Điều này thể hiện tính nhân dân sâu sắc của văn thơ Nguyễn Đình Chiểu.

Đối lập với nỗi ghét, lòng căm ghét là tình thương, ông Quán đã tự bạch về tình thương của mình trong 16 câu. Mở đầu là ông nói về tình thương của ông với Khổng Tử vất vả, gian lao trong công việc truyền đạo Nho: "Khi nơi Tống, Vệ, lúc Trần, lúc Khuông". Tiếp đó, ông bày tỏ tình thương của ông đối với Nhan Tử, Gia Cát, Đổng Tử, Nguyên Lượng, Hàn Dũ, Liêm, Lạc. Họ là những con người hiền nhân, quân tử, kiêu mẫu của đạo Nho, những muốn hành đạo, giúp vua, cứu đời và cứu dân, nhưng rút cục là gặp bất hạnh hoặc chết yểu, hoặc là không được vua tin dùng, hoặc là không gặp thời vận. Mơ ước và nguyện vọng hành đạo, cứu đời, cứu dân của họ không thành.

Lẽ ghét thương - những lời thơ tâm huyết của Nguyễn Đình Chiểu

Nếu như ở đoạn thơ mười câu trên, tác giả cho nhân vật nói lòng căm thù bọn người hại dân để nói lên lòng thương dân thì ở đoạn thơ 16 câu này tác giả lại cho nhân vật bộc lộ lòng thương yêu trực tiếp đối với những người có tài cao, chí cả, muốn cứu đời giúp dân mà gặp phải những rủi ro, bất hạnh nên nguyện vọng cứu đời, cứu dân không thực hiện được.

Để biểu hiện tình cảm thương yêu đầy tính chất bác ái và nhân bản đó, Nguyễn Đình Chiểu ở đoạn thơ 16 câu này vẫn tiếp tục dùng nghệ thuật điệp từ. Trong 16 câu thơ này ông đã dùng 9 từ "thương".

Mở đầu cho đoạn thơ ông dùng đến hai từ "thương":

"Thương là thương đức thánh nhân"

Điệp từ "thương" biểu hiện niềm thương yêu tha thiết của nhân vật đối với Khổng Tử, khi Khổng Tử gặp những gian nan, vất vả trên đường hành đạo. Phải nói là lòng thương của ông Quán ở đây rộng lớn. Ông thương cả đến những người chết yểu mà công danh chưa đạt:

"Thương thầy Nhan Tử dở dang,

Ba mươi một tuổi tách dàng công danh"

Ông thương cả đến những người không gặp vận may:

"Thương ông Gia Cát tài lành,

Gặp cơn Hán mạt đã đành phơi pha".

Từ đó, ông Quán bộc lộ tình thương đến số phận cay đắng của con người trước những quy luật khắc nghiệt của tạo hoá và xã hội.

Đoạn thơ có nghệ thuật bố cục khá chặt chẽ, mạch lạc.

Có câu mở đầu nói về "ghét":

"Quán rằng: Ghét việc tâm phào

Ghét cay, ghét đắng, ghét vào tận tâm

Có câu mở đầu nói về đoạn "thương":

"Thương là thương đức thánh nhân

Lẽ ghét thương - những lời thơ tâm huyết của Nguyễn Đình Chiểu

Khi nơi Tống Vệ, lúc Trần, lúc Khuông"

Có câu kết cho cả hai đoạn "ghét" và "thương":

"Xem qua kinh sử mấy lần

Nửa phần lại ghét, nửa phần lại thương"

Đối với các ý nhỏ trong mỗi đoạn ghét và thương, tác giả lại dùng các điệp từ ghét và thương để vừa tách biệt vừa liên kết các ý nhỏ lại với nhau. Ví dụ:

"Ghét đời Kiệt, Trụ mê dâm,

Để dân đến nỗi sa hầm sẩy hang.

Ghét đời U, Lệ đa đoan,

Khiến dân luống chịu làm than muôn phần"

hoặc:

"Thương ông Gia Cát tài lành,

Gặp cơn Hán mạt đã đành phôi pha.

Thương thầy Đống Tử cao xa,

Chí đà có chí, ngôi mà không ngôi"

Nhờ nghệ thuật dùng điệp từ kết hợp với bố cục chặt chẽ, mạch lạc mà đoạn thơ đọc lên giọng điệu vừa nghiêm trang vừa thống thiết, một nét đặc trưng của điệu thơ trữ tình Nguyễn Đình Chiểu.

Các bạn vừa tham khảo hai bài văn mẫu tiêu biểu hay nhất bàn về lẽ ghét thương - lời thơ tâm huyết của Nguyễn Đình Chiểu. Xem lại phần [soạn văn Lẽ ghét thương](#) hoặc đọc thêm các bài văn hay khác trong kho [Văn mẫu lớp 11](#) tại doctailieu.com để củng cố kiến thức cho bài làm của mình nhé !

Chúc các bạn học tốt !